

CHƯƠNG IV: CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường

1.1. Khái niệm

- Theo C.Mác, cạnh tranh là sự ganh đua, sự đấu tranh quyết liệt giữa những người sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành giật những điều kiện thuận lợi trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa, để thu được lợi nhuận cao nhất.
- Trên thị trường, có nhiều loại cạnh tranh như:
 - Xét theo chủ thể: Cạnh tranh giữa người bán với người bán, giữa người bán với người mua, giữa người mua với người mua
 - Xét theo sự di chuyển vốn: Cạnh tranh trong nội bộ ngành và cạnh tranh giữa các ngành
 - Xét theo tính chất: Cạnh tranh hoàn hảo và cạnh tranh không hoàn hảo; cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh
 - Xét theo phạm vi: Cạnh tranh doanh nghiệp và cạnh tranh quốc gia

1.2. Hai loại cạnh tranh trong nền KTTT (xét theo sự di chuyển vốn)

- Cạnh tranh nội bộ ngành
 - Là sự ganh đua giữa các doanh nghiệp cùng sản xuất một loại hàng hóa
 - Mục đích: giành được lợi nhuận nhiều hơn (tức là tìm kiếm giá trị thặng dư siêu ngạch)
 - Biện pháp: cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ để nâng cao NSLĐ, từ đó hạ được giá trị cá biệt của hàng hóa
 - Kết quả: San bằng các mức giá cả, hình thành nên giá cả thị trường và giá trị thị trường
- Cạnh tranh giữa các ngành
 - Là sự di chuyển vốn đầu tư (tư bản) giữa các ngành khác nhau
 - Mục đích: tìm nơi kinh doanh đem lại tỷ suất lợi nhuận cao hơn
 - Biện pháp: các doanh nghiệp tự do di chuyển tư bản từ ngành này sang ngành khác
 - Kết quả: San bằng tỷ suất lợi nhuận giữa các ngành, hình thành nên tỷ suất lợi nhuận bình quân P'

Bởi vì:

- + Ngành có tỷ suất lợi nhuận cao \rightarrow thu hút đầu tư \rightarrow cung tăng, cạnh tranh tăng $\rightarrow P'$ có xu hướng giảm
- + Ngành có tỷ suất lợi nhuận thấp \rightarrow rời bỏ ngành \rightarrow cung giảm, cạnh tranh giảm $\rightarrow P'$ có xu hướng tăng

1.3. Tác động của cạnh tranh

- Tác động tích cực

- Tạo môi trường vĩ mô và động lực thúc đẩy sự phát triển nền KTTT, từ đó đạt được quy mô sản lượng và giá trị kinh tế lớn
- Góp phần điều chỉnh nguồn lực giữa các ngành, các lĩnh vực và khu vực KT
- Thúc đẩy sự nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và phương pháp quản lý hiện đại, từ đó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển
- Tạo cơ sở cho sự phân phối lợi ích giữa các chủ thể kinh tế

- Tác động tiêu cực

- Tạo nên tình trạng cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường
- Phân hóa xã hội
- Cạnh tranh không lành mạnh, lũng đoạn thị trường, tạo nên sự độc quyền
- Theo Học thuyết Giá trị thặng dư của C. Mác: Khi tự do cạnh tranh, tỷ suất lợi nhuận của các ngành sẽ bị san bằng
- Thực tế ngày nay, Tỷ suất lợi nhuận giữa các ngành trên mặt bằng là như nhau hay chênh lệch?

=> Trả lời: TSLN là chênh lệch vì CNTB đã kết thúc giai đoạn tự do cạnh tranh và chuyển sang giai đoạn độc quyền.

2.1. Sự hình thành độc quyền trong nền kinh tế thị trường

- Nguyên nhân:

- + Sự cạnh tranh tự do
- + Sự phát triển của LLSX và CMCN cuối TK 19, đầu TK 20
- + Khủng hoảng kinh tế cuối TK 19, đầu TK 20.

=> Tập chung sản xuất => Sự độc quyền

- Khái niệm độc quyền

- Sự tập trung nắm giữ phần lớn việc sản xuất và tiêu thụ một (hoặc một số) loại hàng hóa vào một liên minh các doanh nghiệp lớn
- Từ đó, liên minh có thể định ra giá cả độc quyền, để thu lợi nhuận độc quyền cao.

Giá cả độc quyền

- Khi mua các yếu tố đầu vào: áp đặt giá thấp
- Khi bán hàng hóa cho KH: áp đặt giá cao

Lợi nhuận độc quyền

- Là lợi nhuận siêu ngạch, cao hơn lợi nhuận bình quân P
- Hình thành do chiếm đoạt 3 thành phần:

Người lao động làm thuê + Nhà cung cấp + Khách hàng

2.2. Tác dụng của độc quyền

- Tác dụng tích cực

Độc quyền tạo ra sự tập trung nguồn lực. Từ đó dẫn đến:

- Thúc đẩy nền sản xuất lớn
- Thúc đẩy đầu tư tập trung và có chiều sâu vào khoa học công nghệ
- Nâng cao sức mạnh thị trường, năng suất lao động

- Tác dụng tiêu cực

Độc quyền tạo ra sự lũng đoạn thị trường. Từ đó dẫn đến:

- Phá vỡ môi trường cạnh tranh
- Hạn chế khả năng sáng tạo bên ngoài
- Chi phối nền kinh tế xã hội, gia tăng phân hóa xã hội

2.3. Quan hệ giữa độc quyền và cạnh tranh

- Độc quyền ra đời từ cạnh tranh

- Độc quyền đối lập với cạnh tranh

- Độc quyền không thủ tiêu cạnh tranh, mà làm cho cạnh tranh phức tạp hơn

- Về hình thức: Cạnh tranh nội bộ tổ chức độc quyền, Cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền, Cạnh tranh giữa tổ chức độc quyền với doanh nghiệp ngoài độc quyền, Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngoài độc quyền
- Về phương pháp: phương pháp kinh tế, chính trị, quân sự

3. Năm đặc điểm của Chủ nghĩa tư bản độc quyền

3.1. Sự hình thành các tổ chức độc quyền

- Nguyên nhân

- Do cạnh tranh tự do, TB nhỏ phá sản => còn lại TB lớn cạnh tranh => cạnh tranh không có lợi => liên minh
- Do sự phát triển các thành tựu KHKT => để ứng dụng vào SX, cần vốn lớn, thời gian hoàn vốn chậm, rủi ro cao => từng nhà TB khó đáp ứng được => liên minh
- Do khủng hoảng kinh tế => TB nhỏ phá sản, TB lớn cũng thiệt hại => để phục hồi, vượt qua khó khăn => liên minh

- Khái niệm

Tổ chức độc quyền là:

- Liên minh các NTB dưới nhiều hình thức khác nhau
- Tập trung trong tay phần lớn việc sản xuất & tiêu thụ một hoặc một số hàng hóa nào đó
- Mục đích thu được lợi nhuận độc quyền cao

- Các hình thức tổ chức độc quyền

Hình thức	Mô tả	Đầu vào	Sản xuất	Đầu ra
Consortium	TCDQ đa ngành thao túng nhiều lĩnh vực trong phạm vi một nền kinh tế	Trust + Syndicate		
Trust	TCDQ đơn ngành thống nhất về lưu thông và sản xuất	Thống nhất	Thống nhất	Thống nhất
Syndicate	TCDQ đơn ngành thống nhất về lưu thông, còn độc lập về sản xuất	Thống nhất		Thống nhất
Cartel	TCDQ đơn ngành thống nhất về tiêu thụ			Thống nhất

- Biểu hiện mới

- Sự trở lại của hệ thống doanh nghiệp nhỏ đóng vai trò làm vệ tinh, gia công, nhà thầu... cho TCDQ
- Xuất hiện 2 hình thức mới là TCDQ đa ngành thao túng toàn cầu:
 - + Concern: các ngành có liên kết với nhau về mặt kỹ thuật (liên kết dọc)
 - + Conglomerate: các ngành không nhất thiết liên kết với nhau về mặt kỹ thuật (liên kết ngang)

3.2. Tư bản tài chính và trùm tài phiệt

- Nguyên nhân

- TBDQ công nghiệp cần tín dụng tiền tệ để đầu tư
 - => cần chi phối TBDQ ngân hàng để dễ vay nợ
 - => phải mua cổ phần chi phối ngân hàng lớn
- TBDQ ngân hàng cần kiểm soát rủi ro cho vay
 - => cần kiểm soát TBDQ công nghiệp để có DA tốt
 - => phải mua cổ phần chi phối các DN lớn

- Khái niệm

- Là sự thâm nhập, dung hợp lẫn nhau giữa TBDQ công nghiệp & TBDQ ngân hàng
- có khả năng thao túng cả nền kinh tế chứ không phải là từng ngành hàng

- Cơ chế thao túng

- Cơ chế tham dự: TBTC đầu tư nắm giữ cổ phần khống chế nhiều TCDQ lớn ở nhiều ngành hàng. Mỗi TCDQ lớn lại có nhiều công ty con, DN thành viên, chi nhánh...

- Cơ chế ủy thác: Nhà TBTC không cần bỏ 100% vốn cho Quỹ đầu tư tài chính, chỉ cần góp cổ phần đủ lớn để chi phối (VD: 50%), phần còn lại, TBTC huy động vốn của các nhà đầu tư khác

- Biểu hiện mới

- Về phạm vi ảnh hưởng: chi phối, lũng đoạn thị trường tài chính quốc tế tạo nên khủng hoảng tài chính khu vực và thế giới

- Về cách thức: ứng dụng công nghệ thông tin để giao dịch toàn cầu, với các mô hình sàn giao dịch dầu thô, vàng, gạo... được luật pháp nhiều nước công nhận

3.3. Xuất khẩu tư bản

- Nguyên nhân

- Do tình trạng “Tư bản thừa” tại các nước phát triển => nền kinh tế trong nước bão hòa, thị trường đã bị TCDQ thao túng => Tỷ suất lợi nhuận giảm => Cần đầu tư sang thị trường mới

- Do lịch sử, nhiều nước tư bản lớn có thuộc địa: => Cần đầu tư sang để khai thác thuộc địa

- Khái niệm

Xuất khẩu tư bản là việc đầu tư Tư bản ra nước ngoài để sản xuất GTTD và thực hiện GTTD ở nước ngoài.

#Xuất khẩu hàng hóa là việc đầu tư Tư bản ở trong nước để sản xuất GTTD ở trong nước và thực hiện GTTD ở nước ngoài (tức là bán hàng ở nước ngoài để thu về GTTD)

- Các hình thức xuất khẩu tư bản

- Theo chủ thể, bao gồm:

+ XKTB của nhà nước

+ XKTB của tư nhân

- Theo tính chất, bao gồm:

+ XKTB trực tiếp (FDI): nhà tư bản trực tiếp đầu tư vốn và thực hiện SXKD

+ XKTB gián tiếp: đầu tư chứng khoán ở nước ngoài, cho nước ngoài vay tín dụng, hưởng lãi suất...

- Biểu hiện mới

- Về dòng vốn đầu tư: Xuất hiện dòng vốn đầu tư giữa các nước lớn với nhau. Bởi vì:

+ KHKH phát triển, tạo nên các ngành mới, nước nhỏ chưa đủ ĐK để đầu tư

+ Để tránh rào cản chính sách giữa các nước, phải đầu tư qua nước thứ ba

- Về chính trị: Nước lớn tăng cường sử dụng XKTB (của cả Nhà nước và tư nhân) để chi phối nền kinh tế của nước nhỏ, từ đó, có khả năng chi phối chính trị, văn hóa

3.4. Sự phân chia thị trường giữa các liên minh độc quyền

- Nguyên nhân

- Các TCDQ cạnh tranh nhau trên thị trường quốc tế => chi phí lớn, rủi ro cao, khó phân thắng bại => Cạnh tranh không có lợi => Các TCDQ thỏa hiệp phân chia thị trường

- Khái niệm

- Là sự thỏa hiệp, liên minh giữa các TCDQ để phân chia phạm vi ảnh hưởng trên thị trường thế giới

- Biểu hiện mới

- Các TCDQ chỉ có sức mạnh về kinh tế. Khi mở rộng ra thị trường toàn cầu với sự khác biệt về văn hóa, chính trị, pháp luật... Do đó, các TCDQ tăng cường sử dụng sự can thiệp của Nhà nước tư sản, để bảo vệ lợi ích của mình trên thế giới.

3.5. Sự phân chia lãnh thổ giữa các cường quốc

- Nguyên nhân

- Do các cường quốc muốn tăng cường phạm vi ảnh hưởng địa chính trị, tìm kiếm các nguồn nguyên liệu và thị trường thường xuyên

- Sự phát triển không đồng đều giữa các cường quốc => Tạo nên tương quan mới, sự cạnh tranh mới

=> Các cường quốc đòi đầu => đòi đầu không có lợi => thỏa hiệp

- Khái niệm

Là sự thỏa hiệp giữa các cường quốc để phân chia phạm vi ảnh hưởng địa chính trị trên toàn thế giới

- Biểu hiện mới

Các cường quốc tư bản vẫn tranh giành nhau phạm vi ảnh hưởng bằng cách ra sức bành trướng "biên giới kinh tế", để ràng buộc, chi phối các nước kém phát triển từ sự lệ thuộc về vốn, công nghệ dẫn đến việc lệ thuộc về chính trị

4. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

- Do TCDQ muốn bành trướng ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu nhưng TCDQ chỉ có sức mạnh về kinh tế, thiếu sức mạnh về chính trị.

=> cần sự bảo hộ của Nhà nước tư sản

- Do mâu thuẫn giữa TCDQ với giai cấp công nhân và nhân dân trở nên gay gắt => cần một thiết chế xã hội để trung gian điều hòa mâu thuẫn, đó là Nhà nước

- Do khủng hoảng kinh tế lặp đi lặp lại theo chu kỳ => cần sự điều tiết của Nhà nước & phát triển khu vực kinh tế có sở hữu Nhà nước

4.2. Thực chất Chủ nghĩa Tư bản độc quyền Nhà nước

- Là sự kết hợp sức mạnh của TCDQ với sức mạnh của Nhà nước tư sản, tạo thành một thiết chế, thể chế thống nhất
- Từ đó, can thiệp vào các quá trình kinh tế - xã hội, bảo vệ lợi ích cho các TCDQ và góp phần điều hòa mâu thuẫn của xã hội tư bản

4.3. Hình thức kết hợp giữa Nhà nước TQ sản với Tổ chức TB độc quyền

- Kết hợp về sở hữu
 - NNTS đầu tư vốn ngân sách vào các TCDQ với mục đích:
 - + Hỗ trợ khi TCDQ gặp khó khăn
 - + Tạo nên hợp đồng và gói thầu cho TCDQ khai thác
 - NNTS bán cổ phần trong các tổ chức, DN Nhà nước cho các NTB để:
 - + Chia sẻ lợi nhuận từ thành quả đầu tư của Nhà nước cho các NTB
 - + Chia sẻ thành tựu R&D cho các NTB khai thác
- Kết hợp về nhân sự
 - Nhà tư bản tham gia hoạt động chính trị, trở thành chính khách Nhà nước
 - Chính khách rời vai trò quan chức Nhà nước, tham gia vào điều hành kinh doanh

KẾT LUẬN CHUNG VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

- Thành tựu:
 - Thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển nhanh chóng
 - Chuyển nền sản xuất nhỏ thành nền sản xuất lớn hiện đại
 - Thực hiện xã hội hóa sản xuất.
- Hạn chế:
 - Nền kinh tế bị lũng đoạn bởi giới tư bản độc quyền và nhiều tiềm năng sáng tạo của xã hội bị kìm hãm
 - Nảy sinh các vấn đề an ninh: chiến tranh, khủng bố, chủ quyền quốc gia...
 - Tồn tại các vấn đề về xã hội: sự phân hóa, bất bình đẳng, mâu thuẫn giai cấp, tệ nạn, môi trường suy thoái...

• Mâu thuẫn cơ bản của Chủ nghĩa Tư bản

Sự xã hội hóa nền sản xuất ngày càng cao >< Sự chiếm hữu tư bản tư nhân về TLSX

Mâu thuẫn này trở thành hạn chế của CNTB. Bởi vì, nền SX sẽ đạt trình độ xã hội hóa cao tới mức không phù hợp với mọi chế độ sở hữu tư nhân.

- Xu hướng vận động của Chủ nghĩa tư bản: sẽ bị xóa bỏ và được thay thế, theo quy luật QHSX phải phù hợp với trình độ phát triển của LLSX.